

Bản án số: **95/2022/DS-ST**

Ngày: **23-9-2022.**

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mười.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Đăng Khoa.

2. Bà Phạm Thị Kim Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thành Ngọc -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 23 ngày 9 tháng năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106^C/2022/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

***/Nguyên đơn:** Ngân hàng D;

Địa chỉ: tp RG, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:* Ông Trần Ngọc M- Chức vụ: Tổng Giám đốc;

- *Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện:* Ông Võ Duy B- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long, chi nhánh Bến Tre.

Địa chỉ: P.PK, thành phố BT.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng:*

1/ Ông Lê Đình Ch- Chức vụ: Phó Phòng kinh doanh cá nhân kiêm khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Kiên Long, chi nhánh Bến Tre.

2/ Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: P.PK, thành phố BT; theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2022.

***/Bị đơn:** Ông Phan Thế Tr, sinh năm 1969;

Địa chỉ: X.SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông Ch có mặt, ông Tr vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2022, bản tự khai, phiên họp công khai chứng cứ, chứng cứ do đương sự cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng là ông Lê Đình Ch trình bày:

Vào ngày 07/8/2010 Ngân hàng D có ký hợp đồng tín dụng cho vay tín chấp số: TD3766/HĐTD, với ông Phan Thế Trí vay số tiền 30.000.000đồng, lãi suất 1,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; thời hạn vay là 24 tháng, kể từ ngày 07/8/2010 cho đến ngày 07/8/2012, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; hình thức trả hàng tháng vốn gốc là 1.250.000đồng. Quá trình vay ông Tr đã trả tiền gốc là 23.750.000đồng, không có trả lãi trong hạn, lãi quá hạn; ông Tr ngưng trả kể từ ngày 07/4/2012 cho đến ngày 23/9/2022 ông Trí còn nợ số tiền gốc là 6.250.000đồng, lãi trong hạn 264.000đồng, phạt chậm trả lãi: 2.024.976đồng, lãi quá hạn: 25.851.375 đồng. Tổng cộng: 34.390.351 đồng; ngoài ra ông Tr còn phải chịu lãi suất kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi trả hết nợ. Do ông Tr vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng nên ngân hàng yêu cầu ông Phan Thế Trí trả số còn nợ ngân hàng là 34.390.351 đồng.

***/Bị đơn ông Phan Thế Trí được Tòa án tổng đạt hợp lệ để công khai** chứng cứ hòa giải, xét xử nhưng ông Trí cố tình vắng mặt, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Trí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn Ngân hàng D khởi kiện bị đơn ông Phan Thế Trí, sinh năm 1975. ĐKKHTT X.SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng*: Ông Phan Thế Trí được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông Tr cố tình không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện của Ngân D thì vào ngày 07/8/2010 Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long có ký hợp đồng tín dụng cho vay tín chấp số: TD3766/HĐTD với ông Phan Thế Trí vay số tiền 30.000.000đồng, lãi suất 1,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; thời hạn vay là 24 tháng. Quá trình vay ông Tr có trả cho ngân hàng được số tiền gốc là 23.750.000đồng và ông Trí ngưng trả cho đến ngày 23/9/2022 thì ông Tr còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 6.250.000đồng, lãi trong hạn 264.000đồng, phạt chậm trả lãi: 2.024.976đồng, lãi quá hạn: 25.851.375 đồng. Tổng cộng: 34.390.351 đồng. Do ông Tr vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng nên ngân hàng yêu cầu ông Phan Thế Trí trả tổng số tiền là 34.390.351 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Về nội dung tranh chấp*:

Vào ngày 07/8/2010 Ngân hàng D có ký hợp đồng tín dụng cho vay tín chấp số: TD3766/HĐTD, với ông Phan Thế Trí vay số tiền 30.000.000đồng, lãi suất 1,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; thời hạn vay là 24 tháng, kể từ ngày 07/8/2010 cho đến ngày 07/8/2012, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; hình thức trả hàng tháng vốn gốc là 1.250.000đồng. Quá trình vay ông Tr đã trả tiền gốc là 23.750.000đồng,

quá trình vay ông Tr chỉ trả gốc, không có trả lãi trong hạn, lãi quá hạn; ông Trí ngưng trả kể từ ngày 07/4/2012 cho đến ngày 23/9/2022 ông Trí có nợ số tiền gốc là 6.250.000đồng, lãi trong hạn 264.000đồng, phạt chậm trả lãi: 2.024.976đồng, lãi quá hạn: 25.851.375 đồng. Tổng cộng: 34.390.351 đồng; ngoài ra ông Trí còn phải chịu lãi suất kể từ ngày 24/9/2022 ch đến khi trả tất nợ. Do ông Tr vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng nên ngân hàng yêu cầu ông Phan Thế Tr trả số còn nợ ngân hàng là 34.390.351 đồng (gốc: 6.250.000đồng, lãi trong hạn: 264.000đồng, lãi quá hạn: 25.851.375 đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT/NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước.

[5] Xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng D.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Lê Đình Ch vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện đối với bị đơn ông Phan Thế Tr là yêu cầu ông Tr có trách nhiệm trả số tiền nợ ngân hàng tính đến ngày 23/9/2022 là 34.390.351 đồng (gốc: là 6.250.000đồng, lãi trong hạn 264.000đồng, phạt chậm trả lãi: 2.024.976đồng, lãi quá hạn: 25.851.375 đồng); ngoài ra ông Tr còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi trả tất nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng mà ông Tr đã ký với ngân hàng vào ngày 07/8/2010 vào đơn xin vay vốn ngày 06/8/2010 do ông Trí ký tên xác nhận và yêu cầu. Xét thấy có cơ sở khẳng định giao dịch giữa Ngân hàng và ông Tr là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015. Do ông Phan Thế Tr vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi đúng hạn cho Ngân hàng D nên nay Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu ông Tr trả số tiền gốc là 6.250.000đồng là có căn cứ.

Quá trình vay ông Tr có trả cho ngân hàng số tiền gốc là 23.750.000đồng, lãi trong hạn và lãi quá hạn ông Tr chưa thanh toán cho ngân hàng, tính đến ngày 23/9/2022 ông Tr còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 6.250.000đồng, lãi trong hạn là 264.000đồng, lãi quá hạn 25.851.375 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.024.976đồng. Xét đối với mức lãi suất cho vay trong hạn là 26.40%/năm; mức lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn là 39.60%/năm với số tiền là này là 25.851.375 đồng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 13/TT/39/2016/NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước thì mức cho vay này không bị giới hạn bởi Luật bộ dân sự năm 2015 quy định tại Điều 468. Mặc khác, tại Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TATC quy định về biên độ điều chỉnh mức lãi suất; do ngân hàng và ông Tr thỏa thuận điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần, khi điều chỉnh mức lãi suất trong hạn thì phải điều chỉnh mức lãi suất quá hạn theo, mức lãi suất quá hạn bằng 150% so với mức lại suất trong hạn là 26.4%/năm. Nay ngân hàng yêu cầu ông Tr phải trả mức lãi suất quá hạn là 39.60%/năm với số tiền là này là 25.851.375 đồng phù hợp theo quy định điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân năm 2015, nên được chấp nhận.

Xét đối với ngân hàng yêu cầu phạt lãi chậm trả số tiền 2.024.976 đồng đối với ông Tr. Nhận thấy: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngân hàng và ông Trí có thỏa thuận nếu ông Tr không trả lãi đúng hạn thì bị phạt lãi chậm trả lãi. Do vậy, ngân hàng yêu cầu ông Tr phải chịu trả lãi trong trường hợp chậm trả lãi theo quy định tại

điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 là có cơ sở chấp nhận; buộc ông Tr phải trả số tiền lãi chậm trả trên số lãi trả quá hạn là 2.024.976 đồng. Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Kiên Long đối với ông Phan Thế Tr. Buộc ông Phan Thế Tr có trách nhiệm trả cho Ngân hàng D tổng số tiền là 34.390.351 đồng (gốc: 6.250.000đồng, lãi trong hạn là 264.000đồng, lãi quá hạn 25.851.375 đồng, phạt chậm trả lãi là 2.024.976đồng) tính đến ngày 23/9/2022; ngoài ra ông Tr còn phải tiếp tục chịu lãi suất kể từ ngày 24/9/2022 theo mức lãi mà HĐTD ông Tr đã ký kết cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

**/ Bị đơn ông Phan Thế Tr vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Ngân hàng cung cấp nhưng ông Phan Thế Trí, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Kiên Long cũng như không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai và các chứng cứ mà Ngân hàng D cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ngân hàng là có căn cứ và hợp pháp. Ông Phan Thế Tr không có mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía Ngân hàng D, ông Tr phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt này.

****/Án phí DST có giá ngạch:***

- Do yêu cầu của Ngân hàng D được chấp nhận, nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Ngân hàng được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông Phan Thế Tr phải chịu án phí là 1.720.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 227, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư 39/2016/NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết 01/2019/HĐTP-TATC; điểm a, khoản 2 Điều 6, Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng D đối với bị đơn ông Phan Thế Tr. Buộc ông Phan Thế Tr có trách nhiệm trả cho Ngân hàng D tổng số tiền là 34.390.351 (Ba mươi bốn triệu ba trăm chín mươi nghìn ba trăm năm mươi một đồng (trong đó tiền gốc: 6.250.000đồng, tiền lãi trong hạn là 264.000đồng, tiền lãi quá hạn 25.851.375 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 2.024.976đồng) tính đến ngày 23/9/2022. Ông Phan Thế Tr còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn trên số nợ gốc kể

từ ngày 24/9/2022 theo thỏa thuận trong đồng tín dụng số: TD3766/HĐTD ngày 07/08/2010 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

****/Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*** Ông Phan Thế Tr phải chịu là 1.720.000 (Một triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng Thương D số tiền là 827.000 (*Tám trăm hai mươi bảy nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005377 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, do Ngân hàng D, chi nhánh Bến Tre nhận thay.

Ngân hàng D có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án; riêng ông Phan Thế Tr vắng mặt cũng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

****/Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Mươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hưng- Nguyễn Thị Hiền

Huỳnh Thị Mười

****/Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Ngọc Hồng - Dương Thị Thanh Thúy

Huỳnh Thị Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS- Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mười

Trên thửa đất 01 tờ 28 phía bà Hạnh có xây 01 căn nhà tường cấp 4, có cấu trúc như sau: Nền gạch bóng kính, vách gạch, cột bê tông, cốt thép, máy tole, trần thạch cao, giá trị sử dụng còn lại là 70%. Diện tích xây dựng là 77,616m², giá trị sử dụng còn lại là 70%, trị giá: (77,616m² x 2.420.000đồng x 70%) = 131.481.504 đồng.

- Diện tích gạch ốp tường:
 + $53\text{m} \times 1,2\text{m} = 63,6\text{m}^2$.
 + $24\text{m} \times 2\text{m} = 48\text{m}^2$.
 Tổng diện tích ốp tường là $11,6\text{m}^2 \times 150.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 70\% = 11.718.000\text{đồng}$.
- Bếp: Ốp đá hoa cương, gramit, diện tích $3,2\text{m} \times 0,65\text{m} = 2,08\text{m}^2$; giá trị sử dụng còn lại là 70%. Trị giá: $2,08\text{m}^2 \times 1.200.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 70\% = 1.747.200\text{đồng}$.
- Hàng rào cột bê tông cốt thép, không xây tường, có diện tích: $3,15 \times 2,4 = 7,56\text{m}^2 \times 1.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 5.292.000\text{đồng}$.
- Sân nền: $1,7\text{m} \times 20,06\text{m} = 34,102\text{m}^2$, giá trị sử dụng còn lại 70%, trị giá $34,102\text{m}^2 \times 130.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 70\% = 3.103.282\text{đồng}$. Tổng trị giá căn nhà và các công trình kiến trúc kèm theo là 153.341.986đồng .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mười

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền- Lê Minh Thiện

Huỳnh Thị Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

